

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2091/2020/HVN/D

Vĩnh Phúc, ngày 5 tháng 11 năm 2020

V/v: Góp ý Dự thảo Nghị định quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật Đầu tư

Kính gửi: - Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tư pháp
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Đầu tiên, Công ty Honda Việt Nam (Sau đây gọi là “HVN” hoặc “chúng tôi”) xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng và lời cảm ơn chân thành đã tạo điều kiện để chúng tôi có cơ hội đóng góp ý kiến xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư (Sau đây gọi là “Dự thảo”). Liên quan đến nội dung Dự thảo, chúng tôi có một số ý kiến góp ý bổ sung như tại Phụ lục đính kèm.

Quý cơ quan vui lòng nghiên cứu chi tiết nội dung góp ý tại Phụ lục bên dưới và điều chỉnh nội dung của Dự thảo để Dự thảo khi được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý vững chắc và là động lực thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Adm, Law.



KOJI ITO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

STT	Nghị định 118/2015/NĐ-CP	Dự thảo	Đề xuất	Giải thích
1	<p>Điều 9.</p> <p>4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 9.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện kinh doanh không cần giấy phép theo quy định tại Điểm đ Khoản 6 Điều 7 của Luật Đầu tư, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p>	<p>Điều chỉnh khoản 3 Điều 9 như sau:</p> <p>“3. <u>Doanh nghiệp có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục thông báo ngành, nghề kinh doanh tới cơ quan đăng ký kinh doanh trước, đồng thời hoặc sau quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện kinh doanh</u>”</p>	<p>Nội dung “doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN)” chưa phù hợp do theo quy định tại Điều 28 Luật Doanh nghiệp 2020, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay không ghi nhận nội dung về ngành, nghề kinh doanh.</p> <p>Theo chúng tôi hiểu, mục đích của điều khoản này nhằm làm rõ thủ tục thông báo ngành, nghề theo quy định của Luật doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện trước khi thực hiện thủ tục cấp phép hay thực hiện các điều kiện cho ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, điều khoản hiện tại nên được điều chỉnh để thể hiện đầy đủ nội dung nêu trên.</p>
2	<p>N/A</p>	<p>Điều 14. Đối tượng áp dụng</p> <p>Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài</p> <p>1. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy</p>	<p>Bổ sung đối tượng sau vào nhóm các đối tượng áp dụng Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài bằng cách quy định:</p>	<p>Với quy định hiện tại của Dự thảo, có thể hiểu Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài chỉ áp dụng đối với:</p> <p>- Các cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam</p> <p>- Các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi họ lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn</p>

	<p>định tại Khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam;</p> <p>b) Tổ chức kinh tế theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>Điều 61. Thực hiện dự án đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>...</p> <p>3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được quyền điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh mà không nhất thiết phải có dự án đầu tư. Việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p> <p>...</p>	<p>"Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ." 	<p><i>góp của tổ chức kinh tế khác, đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</i></p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 61.3 của Dự thảo và trên thực tế, có thể hiểu, khi các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng được đề cập tại Khoản 1, Điều 23 Luật Đầu tư chỉ bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh Doanh (<i>không tiến hành hoạt động lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác...</i>) thì vẫn phải đáp ứng các điều kiện hạn chế tiếp cận thị trường.</p> <p>Như vậy, quy định hiện tại của Dự thảo có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau. Vì vậy cần ghi rõ đối tượng áp dụng Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường là tất cả các nhà đầu tư thuộc đối tượng đề cập tại Khoản 1, Điều 23 Luật đầu tư (không giới hạn chỉ ở hoạt động thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC).</p>
--	--	--	---

<p>Điều 10. Thực hiện quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài</p> <p>...</p>	<p>Điều 15. Nguyên tắc áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài</p> <p>...</p> <p>2. Nhà đầu tư nước ngoài không được đầu tư vào các ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường...</p> <p>Đối với các ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Mục B Phụ lục I, nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện tiếp cận thị trường khác với điều kiện áp dụng đối với đầu tư trong nước theo quy định tại luật... nghị định...</p>	<p>(i) Làm rõ nguyên tắc áp dụng khi đầu tư kinh doanh một ngành nghề vừa thuộc danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện, vừa thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p>	<p>(i) Quy định tại Luật đầu tư 2020 cũng như tại Dự thảo hiện tại đều chưa làm rõ, phân biệt được nguyên tắc áp dụng của hai Danh mục Ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện và Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ngoài ra, nhiều quy định về điều kiện tiếp cận thị trường và các điều kiện đầu tư, kinh doanh tại các văn bản chuyên ngành hiện nay cũng chưa thật sự rõ ràng. Theo đó, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn do không xác định được ngành, nghề nào có điều kiện tiếp cận thị trường, ngành, nghề nào có điều kiện đầu tư, kinh doanh trong quá trình hoạt động;</p> <p>Ví dụ trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đang có hạng mục “Hoạt động mua bán hàng hóa và các hạng hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa”. Hoạt động này hiện đang được quy định chi tiết tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP với các ngành, nghề chi tiết bao gồm phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu... Trong Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường của Dự thảo cũng có bao gồm “Dịch vụ phân phối”. Vậy trong trường hợp này, với “Dịch vụ phân phối”, điều kiện nào của Nghị định 09/2018/NĐ-CP sẽ là điều kiện tiếp cận thị trường và điều kiện nào sẽ là điều kiện đầu tư, kinh doanh trong quá trình hoạt động.</p> <p>Ngoài ra, nguyên tắc thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư cho các ngành nghề thuộc hai danh mục nêu trên cũng chưa được quy định rõ ràng.</p> <p>Theo đó, chúng tôi đề xuất cần có quy định cụ thể để làm rõ nguyên tắc áp dụng của hai Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường và Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Cụ thể:</p> <p>- Nếu ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường thì tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký đầu tư cơ quan nhà nước sẽ đánh giá luôn về các điều kiện tiếp cận thị trường trước khi chấp thuận đầu tư.</p>
--	--	--	--

	<p>đ) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý ngành để xem xét, quyết định;</p>	<p>3. Đối với những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia theo Điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam không có quy định về phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.</p>	<p>(ii) Làm rõ cách hiểu cho nội dung “pháp luật Việt Nam không có quy định về phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài” được quy định tại Điều 15.3.</p>	<p>- Nếu ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì không đánh giá tại thời điểm xin chấp thuận đầu tư mà chỉ yêu cầu đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.</p> <p>Ngoài ra, nên có quy định các điều kiện đã thuộc điều kiện về hạn chế tiếp cận thị trường thì không được tiếp tục đưa vào là điều kiện đầu tư kinh doanh và ngược lại (để tránh đánh giá hai lần cho cùng một vấn đề gây gánh nặng cho doanh nghiệp). Các văn bản pháp luật chuyên ngành cũng cần được rà soát điều chỉnh để thể hiện rõ tinh thần với hai danh mục theo quy định của Luật đầu tư 2020, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tra cứu và rà soát.</p>
			<p>(i) Nội dung “ngành nghề pháp luật Việt Nam không có quy định về phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài” theo quy định tại Điều 15.3 có thể hiểu theo 2 cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách hiểu thứ nhất, pháp luật Việt Nam đã có quy định về ngành nghề này nhưng quy định sẽ được áp dụng chung cho cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. - Cách hiểu thứ hai, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về ngành nghề này. <p>Nếu hiểu theo cách thứ 2, có thể gây ra sự mâu thuẫn với quy định tại Điểm 59 của Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường, theo đó, Điểm 59 quy định các ngành nghề chưa được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam sẽ được coi là ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện. Chúng tôi hiểu ngành, nghề chưa được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành, lĩnh vực kinh doanh mới chưa từng được đăng ký, thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam; và - Ngành, lĩnh vực kinh doanh chưa từng tồn tại trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, quy định của pháp luật Việt Nam cũng 	

				<p>như các cam kết mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>-> Như vậy, với cách quy định không rõ ràng tại Điều 15.3 và Điểm 59 của Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường, khi đầu tư kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định, nhà đầu tư sẽ không rõ mình có được đối xử như những nhà đầu tư trong nước không.</p>
<p>c) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam đã có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam</p>	<p>4. Đối với những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia theo Điều ước quốc tế về đầu tư mà pháp luật Việt Nam đã có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>(iii) Điều chỉnh cụm từ “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” thành cụm từ “điều kiện tiếp cận đầu tư” tại Điều 15.4 thành cụm từ “điều kiện tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài”</p>	<p>(iii) Hiện tại thuật ngữ “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” đã được điều chỉnh thành “điều kiện tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài” xuyên suốt dự thảo. Tuy nhiên tại một số điều của Dự thảo, cụm từ “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” vẫn đang được sử dụng. Do đó cần rà soát tổng thể dự thảo để điều chỉnh cách sử dụng thuật ngữ cho thống nhất.</p>	
<p>N/A</p>	<p>9. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ quy định điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng chưa được cập nhật, sửa đổi, bổ sung tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài ban hành kèm theo Nghị</p>	<p>(v) Điều chỉnh Điều 15.9 theo hướng trong trường hợp luật, nghị định ... quy định điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng chưa được cập nhật, sửa đổi, ... vào Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường thì Danh mục</p>	<p>(v) Theo chúng tôi quy định tại Điều 15.9 chưa thực sự phù hợp do Danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường được xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc tra cứu ngành, nghề nào là ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường. Ngoài ra, nguyên tắc áp dụng Danh mục là nguyên tắc chọn-bỏ, theo đó bất kể ngành nghề nào không thuộc danh sách thì nhà đầu tư nước ngoài sẽ được đối xử như nhà đầu tư trong nước. Chúng tôi cho rằng quy định tại Điều 15.9 đang đi ngược với nguyên tắc chọn - bỏ được đặt ra khi một ngành, nghề chưa có tên trong Danh sách hạn chế tiếp cận thị trường, nhà đầu tư vẫn phải tuân thủ các quy định về hạn chế tiếp cận thị trường với</p>	

		định này thì thực hiện theo quy định của luật, nghị quyết, pháp lệnh, nghị định đó.	sẽ được ưu tiên áp dụng	ngành, nghề đó.
3.	Về cách sử dụng thuật ngữ Công thông tin quốc gia về đầu tư			
Điều 2. Giải thích từ ngữ	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Rà soát cách sử dụng thuật ngữ “ Công thông tin quốc gia về đầu tư ” tại một số điều khoản của Dự thảo (Ví dụ Điều 16.1, Điều 64.3....)	Tại Dự thảo, khái niệm Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài đã được điều chỉnh thành Công thông tin quốc gia về đầu tư . Tuy nhiên tại một số Điều của Dự thảo, thuật ngữ Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vẫn được sử dụng trong khi đây không phải là một khái niệm được định nghĩa tại Dự thảo. Vì vậy, Chúng tôi đề xuất ban soạn thảo rà soát cách sử dụng thuật ngữ để đảm bảo thống nhất.
3. Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài là công thông tin điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đăng tải và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật...	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Điều 2. Giải thích từ ngữ	
3. Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài là công thông tin điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đăng tải và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật...				
4.	Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư			
	Điều 25. Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	Điều 25. Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	Đưa ra quy định chi tiết về phương thức xác định giá trị vốn đầu tư dựa trên các tiêu chí xác định vốn góp được quy định tại pháp luật về thuế	Hiện tại, pháp luật về đầu tư và kế toán đều chưa đưa ra được một quy định thống nhất và rõ ràng về phương pháp xác định giá trị vốn đầu tư. Do đó, sẽ không căn cứ để cơ quan nhà nước xác định được giá trị vốn đầu tư và đưa ra kết luận nhà đầu tư đã kê khai thuế không trung thực, chính xác, đầy đủ về giá trị vốn đầu tư . Trước đây HVN cũng đã nhiều lần đề cập đến vấn đề quy định về vốn đầu tư chưa rõ ràng khi góp ý với dự thảo luật, thêm vào đó chúng tôi cũng đã gửi công văn đề yêu cầu được giải đáp. Tuy nhiên, hiện nay, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, cần bổ sung quy định hướng dẫn chi tiết về vốn đầu tư để doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có căn cứ xác định hành vi kê khai thuế không trung thực, chính xác, đầy
	Điều 25. Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	Điều 25. Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	Đưa ra quy định chi tiết về phương thức xác định giá trị vốn đầu tư dựa trên các tiêu chí xác định vốn góp được quy định tại pháp luật về thuế	Hiện tại, pháp luật về đầu tư và kế toán đều chưa đưa ra được một quy định thống nhất và rõ ràng về phương pháp xác định giá trị vốn đầu tư. Do đó, sẽ không căn cứ để cơ quan nhà nước xác định được giá trị vốn đầu tư và đưa ra kết luận nhà đầu tư đã kê khai thuế không trung thực, chính xác, đầy đủ về giá trị vốn đầu tư . Trước đây HVN cũng đã nhiều lần đề cập đến vấn đề quy định về vốn đầu tư chưa rõ ràng khi góp ý với dự thảo luật, thêm vào đó chúng tôi cũng đã gửi công văn đề yêu cầu được giải đáp. Tuy nhiên, hiện nay, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, cần bổ sung quy định hướng dẫn chi tiết về vốn đầu tư để doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có căn cứ xác định hành vi kê khai thuế không trung thực, chính xác, đầy

		<p>xác, đầy đủ về giá trị vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;</p>		<p>đủ về giá trị vốn đầu tư.</p>
<p>5.</p>	<p>Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư</p> <p>Điều 27. Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư</p> <p>4. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:</p> <p>a) Những nội quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư;</p> <p>b) Đánh giá hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Đầu tư, trong đó xác định cụ thể căn cứ pháp lý lựa chọn hình thức đầu tư;</p> <p>c) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có)...</p> <p>5. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư:</p> <p>a) Những nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật</p> <p>c) Việc đáp ứng điều kiện về suất</p>	<p>Rà soát điều chỉnh đề thống nhất quy định tại điều 27.5 Dự thảo và quy định tại Điều 33.4 Luật Đầu tư 2020</p>	<p>Điều 33.4 Luật Đầu tư 2020 đưa ra các nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư bao gồm các nội dung thẩm định quy định tại Điều 33.3 Luật Đầu tư 2020 và 2 điều kiện khác:</p> <p>Tuy nhiên, 2 điều kiện nêu trên khác với các điều kiện được quy định tại Điều 27.4.b, 27.4.c, 27.5.b, 27.5.c. Dự thảo</p> <p>Như vậy quy định tại Dự thảo đang mâu thuẫn với quy định tại Luật</p>	

		đầu tư trên một diện tích đất		
6.	Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<p>Điều 29. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>...</p> <p>5. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo</p> <p>b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản này, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở... về những nội dung quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 27 Nghị định này.</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan định về nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p>d) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm</p>	(i) Thông nhất quy định về lấy ý kiến thẩm định về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư	<p>(i) Điều 29.5.b Dự thảo quy định lấy ý kiến thẩm định các nội dung quy định tại Điều 27.4 và 27.5 Dự thảo dẫn chiếu đến Điểm Điều 33.3.đ Luật Đầu tư 2020, theo đó liên quan đến công nghệ, dự thảo chỉ yêu cầu thẩm định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ.</p> <p>Tuy nhiên Thông tư 03/2016/TT-BKHCN hiện hành có quy định về thẩm định công nghệ đối với tất cả các dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNDKĐT)</p> <p>Với mâu thuẫn như trên, Thông tư 03/2016/TT-BKHCN đang có phạm vi điều chỉnh rộng hơn Luật Đầu tư 2020. Theo chúng tôi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên phối hợp với Bộ khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các quy định có liên quan theo hướng loại bỏ quy định về thẩm định công nghệ với tất cả các dự án đầu tư và quy định thẩm định công nghệ chỉ nên được đặt ra với các trường hợp được đưa ra tại Điều 29.5. Dự thảo</p> <p>(ii) Cụm từ “ngày nhận được hồ sơ” theo quy định tại Điều 29.5.c và 29.5.d có thể được hiểu theo hai cách :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: Ngày nhận đủ hồ sơ từ nhà đầu tư - Cách 2: Ngày cơ quan được lấy ý kiến nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký đầu tư và ngày cơ quan đăng ký đầu tư nhận ý kiến từ cơ quan được lấy ý kiến <p>Theo chúng tôi, tổng thể thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư nên chỉ được thực hiện trong vòng 1 tháng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, phù hợp với chính sách từng bước giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, sẽ phù hợp khi làm</p>

		<p>định gồm các nội dung thẩm định quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 27 Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>		<p>rõ quy định theo cách hiểu thứ nhất, ngày nhận được hồ sơ là ngày nhận đủ hồ sơ từ nhà đầu tư.</p>
<p>7.</p>	<p>Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư</p>	<p>Điều 34. Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư</p> <p>1. Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư được lựa chọn nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:</p>	<p>Làm rõ các nội dung sau:</p> <p>(i) Trình tự được quy định tại Điều 34 cần được áp dụng cho cả thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐT đối với các trường hợp thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư nhưng không cần điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>(ii) Ngoài ra có thể quy định thêm lộ trình để sau này tất cả các thủ tục cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT, chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ được thực hiện trực tuyến</p>	<p>(i) Căn cứ theo Điều 41.2 và 41.3 Luật Đầu tư năm 2020, đối với các dự án trước đây đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trong một số trường hợp khi điều chỉnh dự án đầu tư, nhà đầu tư chỉ cần thực hiện điều chỉnh GCNĐKĐT mà không cần điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Chúng tôi hiểu về bản chất thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐT trong trường hợp nêu trên không có sự khác biệt với thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐT cho các dự án đầu tư không cần xin chấp thuận chủ trương đầu tư. Chúng tôi đề xuất điều chỉnh Điều 34.1 Dự thảo theo hướng: ”Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư được lựa chọn nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này.”</p> <p>(ii) Hiện nay hệ thống đăng ký doanh nghiệp cũng đang từng bước hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh thủ tục hành chính điện tử. Do đó, ban soạn thảo cũng có thể cân nhắc xây dựng định hướng để điện tử hóa tất cả các thủ tục đăng ký đầu tư</p>
<p>8.</p>	<p>Về điều chỉnh dự án đầu tư</p> <p>Điều 33. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ</p>	<p>Điều 38. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</p>	<p>(i) Bổ sung quy định trong trường hợp điều chỉnh tên dự án đầu tư, địa chỉ, tên của nhà đầu tư thì không cần thực hiện thủ tục nộp hồ sơ</p>	<p>Với quy định tại Dự thảo, chúng tôi hiểu trong mọi trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung GCNĐKĐT nhà đầu tư vẫn phải nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 38.1 Dự thảo tới cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p>Theo chúng tôi quy định này chưa phù hợp do trong trường hợp</p>

	<p>trương đầu tư</p> <p>1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư.</p> <p>2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng:...nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư, gồm:</p>	<p>1. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan đăng ký đầu tư, hồ sơ gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <p>b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</p> <p>...</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư</p>	<p>nghư yêu cầu tại Điều 38.1 Dự thảo. Nhà đầu tư chỉ cần nộp văn bản đề nghị điều chỉnh các nội dung trên</p> <p>Ngoài ra, nếu trên biểu mẫu giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vẫn bao gồm các thông tin về người đại diện, số giấy chứng nhận doanh nghiệp, chức danh người đại diện... của nhà đầu tư thì với các thông tin này khi điều chỉnh cũng chỉ cần nộp văn bản đề nghị điều chỉnh.</p> <p>(ii) Bổ sung thủ tục cơ quan đăng ký đầu tư xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền liên quan trong trường hợp cần xin ý kiến của các cơ quan này để điều chỉnh GCNĐKĐT cho nhà đầu tư</p>	<p>nhà đầu tư thay những thông tin như tên, địa chỉ của mình, nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thông báo thông tin tới Cơ quan đăng ký đầu tư để được chấp thuận điều chỉnh tại GCNĐKĐT.</p> <p>Đặc biệt, trường hợp thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư, dự án đầu tư do thay đổi địa giới hành chính sẽ không được coi là dự án đầu tư có sự thay đổi do sự thay đổi này không xuất phát từ ý chí của nhà đầu tư. Hơn nữa, địa chỉ của nhà đầu tư hay dự án đầu tư trên thực tế vẫn không thay đổi, sự thay đổi chỉ là thay đổi về giấy tờ.</p> <p>Ngoài ra, các thông tin của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) có thể thay đổi thường xuyên, việc yêu cầu nhà đầu tư phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 38.1 Dự thảo khi điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật chưa thật sự phù hợp.</p> <p>Nếu trong các trường hợp nêu trên cơ quan nhà nước vẫn yêu cầu nhà đầu tư phải nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 38.1 Dự thảo sẽ tạo ra gánh nặng về thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.</p> <p>(ii) Dự thảo chưa làm rõ trong trường hợp bổ sung mục tiêu dự án là ngành, nghề thuộc danh mục tiếp cận thị trường có điều kiện, hay thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cơ quan đăng ký đầu tư sẽ tự mình xem xét cấp GCNĐKĐT hay sẽ cần tham khảo/xin ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. Trên thực tế, hiện tại không có quy định về xin ý kiến nhưng cơ quan đăng ký đầu tư vẫn thực hiện thủ tục xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền liên quan. Do không có thủ tục rõ ràng nên thủ đăng ký đầu tư của nhà đầu tư bị trì hoãn, chậm tiến độ.</p> <p>Theo chúng tôi, trong trường hợp cơ quan đăng ký đầu tư phải xin ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan thì cần quy định rõ tại Nghị định trình tự, thủ tục, thời hạn xin ý kiến để đảm bảo minh bạch về thủ tục hành chính.</p>
--	---	--	--	---

	<p>Điều 34, 35, 36: Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng, Quốc hội</p> <p>Quy định chi trong một số trường hợp như điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư... nhà đầu tư mới phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, các trường hợp còn lại sẽ chỉ cần thực hiện thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐT</p>	<p>Điều 39, 40, 41 Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng, Quốc hội</p> <p>Quy định khi điều chỉnh dự án đầu tư, nhà đầu tư sẽ phải nộp hồ sơ để điều chỉnh chủ trương đầu tư</p>	<p>Điều chỉnh Điều 39, 40, 41 theo hướng bổ sung thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đối với một số trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư nhưng không thuộc trường hợp cần chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư như quy định tại Điều 34, 35, 36, Nghị định 118/2015/NĐ-CP</p>	<p>Điều 41.2 và 41.3 Luật Đầu tư năm 2020 quy định về các trường hợp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, ngoài các trường hợp này nhà đầu tư chỉ cần thực hiện điều chỉnh GCNĐKĐT mà không cần điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Tuy nhiên, với quy định hiện tại của dự thảo thì có cách hiểu là tất cả các trường hợp đều phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư. Dự thảo đang quy định thiếu trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Điều này vừa không phù hợp với Luật Đầu tư, vừa làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp.</p>
<p>9.</p>	<p>Ngừng hoạt động của dự án đầu tư</p>			
	<p>Điều 47 Dự thảo</p>		<p>Bổ sung quy định về thủ tục để nhà đầu tư hoạt động lại sau khi ngừng hoạt động dự án đầu tư</p>	<p>Điều 47, Luật Đầu tư 2020 quy định “<i>Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn ngừng hoạt động của dự án đầu tư quy định tại Điều này</i>”. Tuy nhiên, Điều 47 Dự thảo mới đưa ra các quy định liên quan tới thủ tục để ngừng hoạt động của dự án đầu tư mà chưa đưa ra quy định về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn ngừng hoạt động của dự án đầu tư - Thủ tục để nhà đầu tư hoạt động lại sau khi ngừng hoạt động dự án. <p>Do đó, cần bổ sung quy định hướng dẫn cho các vấn đề nêu trên, tạo cơ sở cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục liên quan.</p>

